

Bài 20. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết cách tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang.
- Nhớ được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm trước lớp, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực giao tiếp toán học: HS diễn đạt (nói, viết) đúng công thức tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán: HS sử dụng được công cụ, phương tiện phù hợp để vẽ hình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của HS khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (5 phút)

a) **Mục tiêu:** HS hứng thú với bài học về diện tích, chu vi của các hình trong thực tế.

b) **Nội dung:** GV đưa ra tình huống tranh luận giữa bạn Tròn và Vuông:

Người ta đang cần lát nền cho một căn phòng có diện tích 50 m^2 . Theo bạn Vuông thì cần 200 viên gạch hình vuông có cạnh dài 50 cm. Còn bạn Tròn lại cho rằng cần 800 viên gạch hình vuông có cạnh 25 cm. Theo em bạn nào đúng?

c) **Sản phẩm:** HS tranh luận đưa ra các phương án.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức cho HS tranh luận về tình huống của bạn Tròn và Vuông. – GV đặt vấn đề. 	HS hoạt động nhóm và báo cáo.

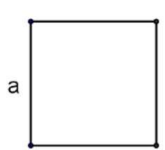
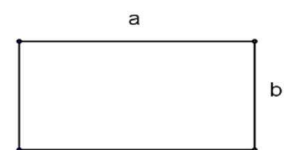
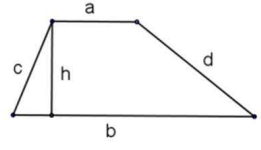
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hộp kiến thức (10 phút)

a) **Mục tiêu:** HS nhắc lại được công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang.

b) **Nội dung:** Nhắc lại công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang đã được học ở Tiểu học.

c) **Sản phẩm:**

Hình vuông	Hình chữ nhật	Hình thang
 <p>$C = 4a$ $S = a^2$</p>	 <p>$C = 2(a + b)$ $S = ab$</p>	 <p>$C = a + b + c + d$ $S = \frac{1}{2}(a + b).h$</p>

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV tổ chức cho HS nhớ lại kiến thức về diện tích các hình đã được học ở Tiểu học. – GV hệ thống lại nội dung hộp kiến thức trên bảng. 	HS nhắc lại.

2. Ví dụ (6 phút)

a) **Mục tiêu:** Áp dụng được công thức vào bài tập mức độ đơn giản.

b) **Nội dung:**

– Ví dụ 1: Muốn tính được số tiền mua đèn phải tìm được gì?

Hãy tính chu vi của hình chữ nhật.

GV hướng dẫn Ví dụ 1.

– Ví dụ 2:

+ Tìm hiểu đề bài, giới thiệu cách tính.

+ GV khắc sâu về cách tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông và cách tính số gạch cần sử dụng để lát nền.

c) Sản phẩm:

Ví dụ 1: Muốn tính được số tiền mua đèn cần tìm chu vi của biển quảng cáo hình chữ nhật:

$$C = 2(a + b) = 2(5 + 10) = 2.15 = 30 \text{ (m)}.$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu đề bài Ví dụ 1, yêu cầu HS đọc và phân tích.	HS nêu nhận xét.
– GV giới thiệu cách giải Ví dụ 1, qua đó khắc sâu cách tính chu vi hình chữ nhật.	HS lắng nghe.
– Chiếu đề bài Ví dụ 2, yêu cầu HS đọc.	HS đọc.
– Hướng dẫn HS phân tích đề bài và tính.	HS phân tích dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Luyện tập 1 (10 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng công thức tính chu vi các hình vuông, hình chữ nhật, hình thang vào bài toán thực tế.

b) Nội dung:

1. Bài tập 1 (SGK tr.97):

Giải thích cho HS hiểu về tác dụng của khung thép trong việc làm đai của cột bê tông cốt thép.

Từ việc tính chu vi của một khung thép, tính được số khung thép làm được.

2. Bài tập 2 (SGK tr.97). Phân tích bài toán theo các câu hỏi:

Số thép để làm khung bàn được tính như thế nào ?

Hãy tính chu vi mặt bàn và tổng số dây thép dùng để làm chân bàn?

c) Sản phẩm:

1. Chu vi của mỗi khung thép là: $(30 + 35).2 = 130 \text{ (cm)} = 1,3 \text{ (m)}$;

Số khung thép làm được là: $260 : 1,3 = 200 \text{ (khung)}$.

2. Chu vi của mặt bàn là: $1,2 + 0,6 + 0,6 + 0,6 = 3 \text{ (m)}$;

Số thép cần để làm khung bàn là: $3 + (0,73 \cdot 4) = 5,92 \text{ (m)}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– GV chiếu hình Bài tập 1 lên bảng, yêu cầu HS đọc.– Giải thích cho HS hiểu về tác dụng của khung thép trong việc làm đai của cột bê tông cốt thép.– GV hướng dẫn HS phân tích bài toán.– Yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày lời giải.– Chiếu Bài tập 2, tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm và báo cáo.– Lưu ý HS khi đổi đơn vị.– Yêu cầu đại diện nhóm lên bảng trình bày.– GV nhận xét, đánh giá: Có thể thực hiện đổi đơn vị trước khi tính hoặc ngược lại. Nhưng trong một bài toán đơn vị phải đồng nhất.	<ul style="list-style-type: none">HS đọc bài.HS lắng nghe.HS phân tích bài toán.HS lên bảng thực hiện.HS hoạt động nhóm và báo cáo.Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng công thức tính diện tích các hình vuông, hình chữ nhật, hình thang vào bài toán thực tế.

b) Nội dung: Bài tập 3 (SGK tr.97). Phân tích bài toán:

Diện tích thửa ruộng được tính như thế nào?

Tính số thóc thu hoạch được?

c) Sản phẩm:

Diện tích phần thửa ruộng hình thang là: $\frac{1}{2}(50 + 30) \cdot 10 = 400 \text{ (m}^2\text{)}$.

Diện tích phần thửa ruộng hình chữ nhật là: $50 \cdot 15 = 750 \text{ (m}^2\text{)}$.

Số thóc thu hoạch được trên thửa ruộng là: $(400 + 750) \cdot 0,8 = 920 \text{ (kg)}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– GV chiếu Bài 3 lên bảng, yêu cầu HS đọc.– Hướng dẫn HS phân tích bài toán.– Yêu cầu 1 HS lên trình bày.– GV nhận xét, đánh giá.	<ul style="list-style-type: none">HS đọc bài.Trả lời câu hỏi phân tích bài toán.HS lên bảng.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (7 phút)

a) **Mục tiêu:** HS được củng cố về công thức tính chu vi, diện tích các hình.

b) **Nội dung:** Trả lời phần tranh luận giữa bạn Vuông và Tròn.

c) **Sản phẩm:** Cả hai bạn Tròn và Vuông đều đúng vì:

Diện tích mỗi viên gạch có cạnh 50 cm là: $50^2 = 2\,500$ (cm²) = 0,25 (m²) nên cần số viên gạch là: $50 : 0,25 = 200$ (viên) \Rightarrow bạn Vuông đúng.

Diện tích mỗi viên gạch có cạnh 25 cm là: $25^2 = 625$ (cm²) = 0,0625 (m²) nên cần số viên gạch là: $50 : 0,0625 = 800$ (viên) \Rightarrow bạn Tròn đúng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– GV tổ chức cho HS thảo luận vấn đề đưa ra ở mở bài và đưa ra câu trả lời.– GV nhận xét, đánh giá: Với một bài toán có thể đưa ra nhiều cách giải khác nhau.	HS trả lời.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.

– Làm các Bài tập 4.16, 4.18, 4.19, 4.20 (SGK tr.100).

– Đọc trước bài *Diện tích hình bình hành, hình thoi*. Chuẩn bị giấy thủ công, kéo.

TIẾT 50

Bài 20. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết cách tính chu vi của hình bình hành, hình thoi. Diện tích của hình bình hành.
- Tính được chu vi, diện tích của hình bình hành, hình thoi trên thực tế.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm.

- Năng lực giao tiếp toán học: HS diễn đạt (nói, viết) đúng công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành, hình thoi.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học : Sử dụng công thức để tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán: HS sử dụng được công cụ, phương tiện phù hợp để vẽ hình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của HS khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập, giấy thủ công, kéo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (5 phút)

a) Mục tiêu: HS nhớ lại một số yếu tố cơ bản của hình thoi và hình bình hành.

b) Nội dung: Nhắc lại một số yếu tố cơ bản của hình thoi và hình bình hành?

c) Sản phẩm: Yếu tố cơ bản của hình thoi và hình bình hành (SGK tr.91, 92).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu hình bình hành và hình thoi lên bảng. – Yêu cầu HS nhắc lại một số yếu tố cơ bản của hình thoi và hình bình hành. – GV đặt vấn đề.	HS nhắc lại.

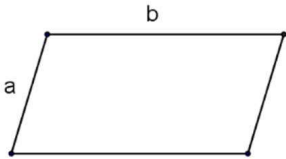
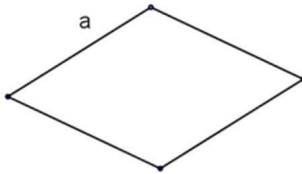
Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hộp kiến thức (5 phút)

a) Mục tiêu: Giới thiệu công thức tính chu vi của hình bình hành, hình thoi.

b) Nội dung: Nhắc lại công thức tính chu vi của hình bình hành, hình thoi?

c) Sản phẩm:

Hình bình hành	Hình thoi
 <p style="text-align: center;">$C = 2(a + b)$</p>	 <p style="text-align: center;">$C = 4a$</p>

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV tổ chức cho HS nhớ lại kiến thức về diện tích các hình đã được học. – GV hệ thống lại nội dung hộp kiến thức trên bảng. 	HS nhắc lại.

2. Ví dụ (10 phút)

a) Mục tiêu:

- Áp dụng được công thức tính chu vi của hình bình hành.
- Biết giải bài toán thực tế liên quan đến chu vi các hình đã học.

b) Nội dung:

- Ví dụ 3: Giới thiệu cách tính chu vi hình bình hành qua Ví dụ 3.
- Ví dụ 4: Giới thiệu về ô thoáng cửa (có hình ảnh thực tế kèm theo).

Hướng dẫn HS giải bài tập Ví dụ 4.

c) Sản phẩm: Chu vi hình bình hành có hai cạnh a, b là $C = 2(a + b)$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV chiếu đề bài Ví dụ 3, giới thiệu cách tính chu vi hình bình hành. – GV giới thiệu về ô thoáng cửa và tác dụng của ô thoáng. – Chiếu Ví dụ 4, hướng dẫn HS phân tích ví dụ. – Nhận xét, đánh giá: Trên thực tế có nhiều bài toán là sự kết hợp của nhiều hình khác nhau. Sử dụng kết hợp nhiều công thức trong cùng một bài toán. 	<p>HS lắng nghe.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>HS phân tích dưới sự hướng dẫn của GV.</p>

3. Xây dựng công thức tính diện tích hình bình hành (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Xây dựng được công thức tính diện tích hình bình hành từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

b) **Nội dung:**

- Thực hiện nhóm HĐ1, HĐ2.
- Đưa ra công thức tính diện tích hình bình hành từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

c) **Sản phẩm:**

- HĐ1: HS cắt ghép hình bình hành thành hình chữ nhật từ giấy thủ công.
- HĐ2: Độ dài cạnh, chiều cao của hình bình hành lần lượt bằng chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. Diện tích của hình bình hành bằng diện tích của hình chữ nhật.
- Công thức tính diện tích hình bình hành: $S = a.h$ (a là độ dài một cạnh, h là chiều cao tương ứng).

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– Yêu cầu HS chuẩn bị giấy thủ công, thước, kéo.– GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm HĐ1, HĐ2.– Trên cơ sở kết quả hoạt động nhóm, yêu cầu HS xây dựng công thức tính diện tích hình bình hành.	<ul style="list-style-type: none">HS chuẩn bị.HS hoạt động nhóm và báo cáo.Đưa ra công thức tính diện tích hình bình hành.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP VÀ CỨNG CỐ (13 phút)

a) **Mục tiêu:** Biết áp dụng công thức tính diện tích hình bình hành vào bài toán thực tế. Kết hợp công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình bình hành.

b) **Nội dung:**

- Tìm hiểu đề bài, hướng dẫn giải Ví dụ 5.
- Luyện tập 2: Chiếu hình lên bảng, tóm tắt, phân tích bài toán (Bài toán cho gì? Yêu cầu gì? Phải đi tìm cái gì?).
- Hoạt động nhóm bài Luyện tập 2.

c) **Sản phẩm:**

- Diện tích đất trồng cỏ là: $6 \cdot 10 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$;
- Diện tích đất trồng hoa là: $(12 \cdot 10) - 60 = 60 \text{ (m}^2\text{)}$;
- Số tiền chi cho trồng cỏ là: $60 \cdot 40\,000 = 2\,400\,000 \text{ (đồng)}$;
- Số tiền chi cho trồng hoa là: $60 \cdot 50\,000 = 3\,000\,000 \text{ (đồng)}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– GV chiếu Ví dụ 5 lên bảng, hướng dẫn giải.– Chiếu Luyện tập 2 lên bảng, hướng dẫn HS phân tích, đề xuất phương án tính toán.– Tổ chức cho HS hoạt động nhóm và báo cáo.– Yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày.– GV nhận xét, đánh giá: HS có thể nhầm tính diện tích hình bình hành với chiều cao là 6m.	<p>HS đọc.</p> <p>HS quan sát.</p> <p>Hoạt động nhóm.</p> <p>Đại diện nhóm lên bảng trình bày.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích hình bình hành.
- Làm các Bài tập 4.21, 4.22 (SGK tr.100).
- Chuẩn bị trước bài *Diện tích hình thoi*.

TIẾT 51

**Bài 20. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH
CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC (Tiết 3)**

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.
- Biết cách tính chu vi, diện tích của hình thoi.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: HS xác định đúng đắn động cơ thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.
- Năng lực giao tiếp toán học: HS diễn đạt (nói, viết, kí hiệu) đúng các các yếu tố cơ bản, công thức tính chu vi, diện tích của hình thoi.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến diện tích các tứ giác đã học.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán: HS sử dụng được công cụ, phương tiện phù hợp để vẽ hình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan

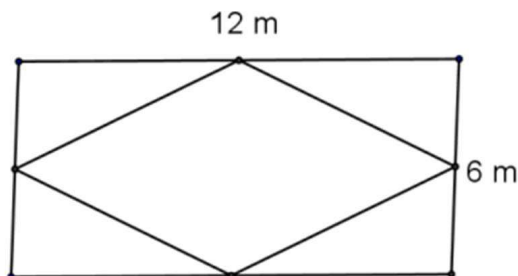
2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập, giấy thủ công, kéo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú mở đầu cho bài học về diện tích hình thoi.

b) Nội dung: GV đưa ra tình huống: Nhà trường giao cho lớp 6A một mảnh vườn hình chữ nhật có kích thước như hình vẽ. Yêu cầu lớp trồng cỏ trong khu vực hình thoi. Biết rằng giá mỗi 1 m^2 cỏ là 30 000 đồng. Tính số tiền để mua cỏ.



c) Sản phẩm: Dự đoán phương án tính toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">– GV đưa ra tình huống nhà trường giao trồng cỏ.– Yêu cầu HS dự đoán phương án tính toán số tiền để mua cỏ. GV đặt vấn đề về diện tích hình thoi.	<p>HS nghe.</p> <p>Đề xuất phương án tính toán.</p>

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: XÂY DỰNG CÔNG THỨC TÍNH DIỆN TÍCH HÌNH THOI (10 phút)

a) Mục tiêu: Xây dựng được công thức tính diện tích hình thoi từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.

b) Nội dung:

- Thực hiện nhóm HĐ3, HĐ4: Vẽ hình thoi trên giấy kẻ ô vuông và cắt ghép thành hình chữ nhật. So sánh diện tích hình thoi ban đầu với diện tích hình chữ nhật.

- HS xây dựng công thức tính diện tích hình thoi từ công thức tính diện tích hình chữ nhật.
- GV giới thiệu tính diện tích hình thoi theo công thức tính diện tích hình bình hành:
 $S = a.h$.

c) Sản phẩm:

- HĐ1: HS cắt ghép hình thoi thành hình chữ nhật từ giấy thủ công.
- HĐ2: Các đường chéo của hình thoi lần lượt bằng chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. Diện tích của hình thoi bằng 1/2 diện tích của hình chữ nhật có cùng kích thước.
- Công thức tính diện tích hình thoi: $S = \frac{1}{2} ab$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – Yêu cầu HS chuẩn bị giấy thủ công, thước, kéo. – GV tổ chức cho HS thực hiện nhóm HĐ3, HĐ4. – Trên cơ sở kết quả hoạt động nhóm, yêu cầu HS xây dựng công thức tính diện tích hình thoi. – GV giới thiệu cách tính diện tích hình thoi theo diện tích hình bình hành. 	<ul style="list-style-type: none"> HS chuẩn bị. HS hoạt động nhóm và báo cáo. Đưa ra công thức tính diện tích hình thoi.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP VÀ CỨNG CỐ (13 phút)

a) Mục tiêu: Biết tính diện tích hình thoi, hình chữ nhật và phối hợp giữa các công thức.

b) Nội dung:

- GV giới thiệu Ví dụ 6 trên máy chiếu.
- Luyện tập 3: Chiều hình lên bảng, tóm tắt, phân tích bài toán (Bài toán cho gì? Yêu cầu gì? Phải đi tìm cái gì?).
- HS hoạt động nhóm bài Luyện tập 3.

c) Sản phẩm: Bài Luyện tập 3.

Diện tích phần đất hình thoi là: $\frac{1}{2} \cdot 8.5 = 20 \text{ (m}^2\text{)}$.

Số cây hoa trồng trên mảnh đất hình thoi là: $20.4 = 80 \text{ (cây)}$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu Ví dụ 6 lên bảng, hướng dẫn giải.	HS đọc.

<ul style="list-style-type: none"> – Chiều Luyện tập 3 lên bảng, hướng dẫn HS phân tích, đề xuất phương án giải. – Tổ chức cho HS hoạt động nhóm. – Yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày. – GV nhận xét, đánh giá. 	<p>HS quan sát.</p> <p>Hoạt động nhóm.</p> <p>Đại diện nhóm lên bảng trình bày.</p>
---	---

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (15 phút)

a) Mục tiêu:

- củng cố lại công thức tính diện tích các hình đã học.
- HS biết vận dụng công thức tính diện tích vào giải bài toán thực tế.

b) Nội dung:

- HS lên bảng làm Bài tập 4.20 (SGK tr.100).
- Hỏi HS phương án khác để tính diện tích mặt sàn.
- HS hoạt động nhóm Bài tập 4.23 (SBT tr.72) trong 5 phút.

c) Sản phẩm:

Bài 4.20: Chiều dài ngôi nhà là: 14 m, chiều rộng ngôi nhà là: 8 m.

Diện tích mặt sàn là: $14 \cdot 8 = 112 \text{ (m}^2\text{)}$.

Bài 4.23: Tổng độ dài sắt cần dùng để làm song sắt ô thoáng là:

$$2(60 + 80) + 50 \cdot 4 + 80 + 60 = 620 \text{ (cm)} = 6,2 \text{ (m)}.$$

Vậy vật liệu người đó chuẩn bị không đủ để làm ô thoáng theo dự định.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> – GV chiếu Bài tập 4.20 lên bảng, yêu cầu HS nêu phương án tính diện tích mặt sàn. – Yêu cầu một HS lên bảng. – Hỏi HS phương án khác để tính diện tích mặt sàn. – Tổ chức cho HS hoạt động nhóm Bài 4.23. – Yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày. – GV nhận xét, đánh giá. 	<p>HS đọc và nêu phương án.</p> <p>1 HS lên bảng.</p> <p>HS nêu phương án khác.</p> <p>Hoạt động nhóm trong 5 phút.</p> <p>Đại diện nhóm lên bảng.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Chuẩn bị trước bài Luyện tập, làm các Bài tập 4.23, 4.24, 4.25 (SGK tr.102).